TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6-THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 70/2026/QĐST - HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 90/2026/TLST - HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2026 về việc "*Ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn*", giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Nông Quốc Đ**; sinh năm 1993;

- Bị đơn: Chị **Mạc Thị H**; sinh năm 2002;

Cùng có địa chỉ: Tổ A, phường B, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nông Quốc Đ và chị Mạc Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Quốc Đ và chị Mạc Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nông Quốc Đ và chị Mạc Thị H có 02 (Hai) con chung là Nông Thùy D, sinh ngày 30/05/2020 và Nông Thu N, sinh ngày 13/01/2023. Hiện nay các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường.

Khi ly hôn, anh Nông Quốc Đ có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (Hai) con chung là Nông Thùy D, sinh ngày 30/05/2020 và Nông Thu N, sinh ngày 13/01/2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Mạc Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nông Thùy D và Nông Thu N cho anh Nông Quốc Đ với mức 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng/con, tổng là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng)/tháng/02 con, kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Việc thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

"1.Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này".

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nông Quốc Đ và chị Mạc Thị H không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn anh Nông Quốc Đại tự N1 chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nông Quốc Đ đã nộp là 300.000[đ] (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002134, ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Anh Nông Quốc Đ đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơinhận:
- VKSND KV6-TN + BB ghi nhận TTLH 2;
- TA tỉnh Thái Nguyên + BB ghi nhận TTLH 1;
- THADS tỉnh Thái Nguyên 1;
- UBND phường Bắc Kạn, T.Thái Nguyên (Nơi ĐKKH) 1;
- Đương sự 2;
- Lưu HS 1;
- Lưu VP 1.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nguyệt Thu